

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày: 28-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 20/2019/HSST ngày 16-5-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/HSST- QĐ ngày 22-5-2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang P, sinh năm 1966 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D5 và bà Trần Thị D6; có vợ là Đào Thị T5, sinh năm 1972 và 04 con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 3530 ngày 04-10-2017, UBND huyện Cẩm Giàng, xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 06-10-2017);

Quyết định xử phạt hành chính số 38 ngày 03-4-2007, Công an huyện Cẩm Giàng, xử phạt 500.000đ về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 06-4-2007);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1980 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn N5 và bà Vương Thị X5; có vợ là Nguyễn Thị Th5, sinh năm 1983 và 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 3858 ngày 02-11-2017, UBND huyện Cẩm Giàng, xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 06-11-2017);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn N, sinh năm 1980 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T6 và bà Nguyễn Thị M6 (tên gọi khác Nguyễn Ngọc M6); có vợ là Đào Thị Th6, sinh năm 1983; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn D, sinh năm 1975 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị A; có vợ là Nguyễn Thị H6, sinh năm 1977 và 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Đào Công T, sinh năm 1981, tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Hồng Đ6 và bà Hồ Thị H7; có vợ là Nguyễn Thị T7, sinh năm 1983 và 03 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6. Vũ Hồng T1, sinh năm 1978, tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hồng T8 và bà Hồ Thị Th8; có vợ là Nguyễn Thị Th9, sinh năm 1982 và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn Y, sinh năm 1959, tại xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn YV, xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị S4; có vợ là Nguyễn Thị P4, sinh năm 1959 và 02 con (lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1986); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 80 ngày 23-3-2006, Công an huyện Cẩm Giàng, xử phạt 500.000đ về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 27-3-2006);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Trần Thị Kh; có vợ là Trần Thị L6, sinh năm 1984 và 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến: Ông Trần Văn H3, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 12-3-2019, Nguyễn Văn S, Trần Văn N, Vũ Hồng T1 và Đào Công T đến nhà Nguyễn Quang P, ở thôn HG, xã CV, huyện Cẩm Giàng chơi rồi cùng rủ nhau chơi đánh liêng bằng bộ bài T lơ khơ 52 quân có sẵn trong nhà P và được P cùng chơi; thống nhất hình thức chơi như sau: Trước khi người cầm cái chia bài thì mỗi người chơi phải đặt số tiền 20.000đ(gọi là tiền gà), rồi người cầm cái cầm bộ bài chia cho mỗi người chơi ba quân bài và là người được tổ(đặt cược) trước, nếu không tổ thì những người bên cạnh sẽ được tổ theo thứ tự chiều bên phải người chơi, nếu không theo tổ thì úp bài xuống coi như thua và mất số tiền 20.000đ đã cược, người nào theo thì đặt tiếp tiền vào tiền gà trước đó nhưng không quá 100.000đ; cứ như vậy đến khi nào có người đặt tiền cao nhất không quá 100.000đ sẽ là người thắng. Những người theo tổ sẽ so điểm với nhau: Nếu số tiền đặt cược tổ bằng nhau thì sẽ so điểm, ai cao điểm nhất thì thắng, người thắng được thu tiền gà và tiền tổ của tất cả người chơi (cách tính điểm: Quân A là 1 điểm, quân 2 là 2 điểm... đến quân 9 là 9 điểm; các quân 10, J, Q, K là 0 điểm; bài có tổng 9 điểm là cao nhất, nếu có nhiều người chơi bằng điểm thì so đến chất theo thứ tự từ

lớn đến bé là rô, cơ, tép, bích). Nếu người chơi có bộ 3 quân liền kề theo thứ tự tăng dần gọi là “Liêng” và sẽ thu mỗi người chơi 100.000đ cùng tiền gà và tiền tố trước đó; nếu người chơi có bộ 3 quân giống nhau gọi là “Sáp” và sẽ thu mỗi người chơi 100.000đ cùng tiền gà trước đó. Nếu có nhiều người chơi cùng có “Liêng” hoặc “Sáp” thì sẽ tính theo thứ tự từ lớn đến bé A là to nhất, 2 là nhỏ nhất sau đó là tính theo chất thứ tự rô, cơ, tép, bích.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, P, S, N, T, T1 bắt đầu ngồi chơi tại chiếu đã trải sẵn dưới nền nhà trong phòng khách. Đến khoảng 13 giờ 10 phút thì Nguyễn Văn C, Trần Văn D lần lượt đến và cùng tham gia chơi. Các bị cáo chơi đến khoảng 13 giờ 20 phút thì T1 về trước, cùng lúc đó Nguyễn Văn Y đến cũng tham gia chơi. Đến khoảng 13 giờ 40 phút, T1 quay lại tiếp tục chơi với P, S, N, T, C, D và Ý. Các bị cáo chơi đến 14 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang có sự chứng kiến của ông Trần Văn H3; thu giữ bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 8.850.000đ tại chiếu dưới nền nhà; thu của P 01 ví da màu đen bên trong có 1.000.000đ; của S 01 ví da màu đen bên trong có 4.500.000 đ đều mục đích sử dụng đánh bạc. P khai nhận trước khi chơi có 1.500.000đ; N khai có 2.150.000đ; T1 khai có 1.400.000đ; T khai có 1.700.000đ; D khai có 2.000.000đ; C khai có 900.000đ; S khai có 3.700.000đ và Ý khai có 1.000.000đ đều mục đích sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 14.350.000đ.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 21/QĐ-VKS ngày 15-5-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Nguyễn Quang P, Trần Văn N, Vũ Hồng T1, Đào Công T, Trần Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Y về tội đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi chơi liêng ăn tiền và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên các bị cáo Nguyễn Quang P, Trần Văn N, Vũ Hồng T1, Đào Công T, Trần Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Y phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quang P từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 07 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho UBND xã Cẩm Vũ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N cho UBND xã Cẩm Vũ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Công T và Nguyễn Văn Y. Đề nghị xử phạt bị cáo T và Y, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ), thời hạn tính từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã Cẩm Vũ; giao bị cáo Y cho UBND xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, Y, mỗi bị cáo bị khấu trừ từ 5% - 10% thu nhập bình quân hàng tháng trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 20 triệu đến 25 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Hồng T1 từ 20 triệu đến 25 triệu đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.350.000 đ.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ, 02 ví da cũ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai người chứng kiến tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 12-3-2019, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ đến 14 giờ 20 phút ngày 12-3-2019, tại nhà Nguyễn Quang P ở thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD, Nguyễn Quang P, Trần Văn N, Vũ Hồng T1, Đào Công T, Trần Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Y đã có hành vi chơi đánh liêng ăn tiền thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân và số tiền sử dụng đánh bạc 14.350.000đ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, song vì háms lợi kiếm tiền nhanh nên các bị cáo vẫn cố ý sát phạt lẫn nhau. Xét về hành vi và số tiền sử dụng đánh liêng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Nguyễn Quang P, Trần Văn N, Vũ Hồng T1, Đào Công T, Trần Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Y về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nên Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử đối với các bị cáo theo quy định tại các Điều 456, 457, 462, 463 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự cộng đồng, gây mất trật tự trị an trong thôn xóm, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội của địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; quá trình điều tra không xác định được ai là người đề xuất;

Xét vai trò: Bị cáo P dùng nhà ở của mình và chuẩn bị sẵn chiếu, bộ bài cho các bị cáo cùng chơi, tham gia đánh bạc từ đầu, số tiền sử dụng đánh bạc là 1.500.000đ nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo S cũng tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền đánh bạc nhiều nhất là 3.700.000đ nên giữ vai trò thứ hai; bị cáo N và D có số tiền dùng vào việc đánh bạc ngang nhau(2.000.000đ và 2.150.000đ), nhiều thứ hai trong vụ án nên giữ vai trò thứ ba; bị cáo T và T1 tham gia đánh bạc từ đầu nhưng có số tiền ít hơn (1.700.000đ và 1.400.000đ) nên giữ vai trò thứ 4; bị cáo C, Ý không tham gia đánh bạc từ đầu và có số tiền ít nhất(900.000đ và 1.000.000đ) giữ vai trò cuối. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, cần xem xét để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự(TNHS):

- Về nhân thân: Các bị cáo P, S và Ý đều đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 8 bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo P, N, T1 có bố, mẹ đẻ được Nhà nước tặng huân, huy chương; bố bị cáo N là thương binh nên ba bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, nhận thấy bị cáo P và S có nhân thân xấu, năm 2017 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hai bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án nên cần phải chịu hình phạt tù có thời hạn để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Các bị cáo N, D, T, T1, C, Ý có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có số tiền đánh bạc ít, vai trò sau, đều không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tại ngoại, cải tạo không giam giữ tại địa phương hoặc phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều ở nông thôn, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình, không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Thời gian đánh bạc không dài; tiền sử dụng đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân là công cụ các bị cáo dùng đánh bạc và 2 chiếc ví da đã cũ không còn giá trị, bị cáo P, S từ chối không nhận lại, cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 14.350.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chiếc chiếu các bị cáo ngồi đánh bạc, quá trình điều tra bị cáo P và bà Tuyết đều xác định là chiếu gia đình thường trải sẵn để ngồi ăn cơm, đã cũ; sau khi sự việc xảy ra gia đình đã vất đi, không thu giữ được nên không phải giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Riêng bị cáo Ý là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

[9] Các vấn đề khác:

Quá trình các bị cáo đánh bạc, bà Đào Thị Tuyết (vợ bị cáo P) có nhà nhưng không biết việc các bị cáo đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P, S; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang P, bị cáo Nguyễn Văn S phạm Tội đánh bạc;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang P 08 (*tám*) tháng tù; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019); bị cáo còn phải chấp hành tiếp 07 (*bảy*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (*bảy*) tháng tù; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019); bị cáo còn phải chấp hành tiếp 06 (*sáu*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, D; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trần Văn D phạm Tội đánh bạc;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trần Văn D cho UBND xã CV, huyện CG, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N và D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo N và D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, Ý;

Tuyên bố bị cáo Đào Công T, bị cáo Nguyễn Văn Y phạm Tội đánh bạc

- Xử phạt bị cáo Đào Công T 12(*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 11(*mười một*) tháng 21(*hai mươi một*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CV, huyện CG, tỉnh HD nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo T cho UBND xã CV, huyện CG, tỉnh HD, nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y 12(*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 12-3-2019 đến ngày 15-3-2019) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 11(*mười một*) tháng 21(*hai mươi một*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã DC, huyện CG, tỉnh HD nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Ý trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Ý cho UBND xã DC, huyện CG, tỉnh HD, nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1, C; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1;

Tuyên bố bị cáo Vũ Hồng T1, bị cáo Nguyễn Văn C phạm Tội đánh bạc
Phạt bị cáo Vũ Hồng T1 21.000.000đ (*hai mươi một triệu đồng*).

Phạt bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.350.000đ, được niêm phong bằng ba phong bì thư dán kín, có dấu niêm phong của Công an xã CV, huyện CG, tỉnh HD và những người có liên quan.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếc ví da màu đen kích thước 11,5x10(cm); 01 chiếc ví da màu đen kích thước 13x10(cm), bên ngoài bề mặt ví có ghi D&G.

(*Tiền và các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-5-2019*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Quang P, Nguyễn Văn S, Trần Văn N, Trần Văn D, Đào Công T, Vũ Hồng T1, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Y.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Vp

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy

